

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 199/2022/DS-PT
Ngày: 12 – 12 – 2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Lê Văn Duy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 218/2022/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn B (có mặt).

Cư trú tại: Xóm Đ, thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn B: Luật sư Lê Văn Kh – Công ty Luật TNHH MTV S, chi nhánh tại A; Địa chỉ: 69 Ng, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* 1. Ông Lê Đ (có mặt).

2. Ông Lê Th (có mặt).

Cùng cư trú tại: Xóm Đ, thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị H (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Chị Lê Thị Mộng T (có mặt).

Cư trú tại: Số 590/11 Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chị Lê Thị Thanh Tr (vắng mặt).

4. Anh Lê Ng (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, chị T, chị Tr, anh Ng: Ông Lê Văn B (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2021 và ngày 12/11/2021); Cư trú tại: Xóm Đ, thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

5. Bà Bùi Thị Như Nh (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Lệ H (có mặt).

Cùng cư trú tại: Xóm Đ, thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Đình S là bị đơn, bà Bùi Thị Như Nh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân thị xã A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn B, đồng thời ông B là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, chị Lê Thị Mộng T, chị Lê Thị Thanh Tr, anh Lê Ng thống nhất trình bày:

Năm 1991, mẹ ông (bà Trương Thị Kim A) có 01 thửa đất và chia thửa đất ra làm 03 phần cho 03 người con trai. Anh Lê Th được chia phần đất ở phía Nam. Em Lê Đình S ở với mẹ sử dụng phần đất ở giữa, còn ông B được mẹ chia cho phần đất phía Bắc diện tích 160m². Năm 1993, UBND huyện A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông (thửa số 1679, tờ bản đồ số 8, diện tích 160m²). Năm 1996, mâu thuẫn gia đình, vợ chồng ông B mua nhà đất của ông Phan Đình Ph ở cùng xóm với giá 12 chỉ vàng y và chuyển đến sống. Ngôi nhà của ông B xây trên đất mẹ cho không có người ở. Thấy nhà đất không có người ở, anh Lê Th và em Lê Đình S đặt vấn đề với vợ chồng ông cho mượn đất để xây chuồng trại chăn nuôi và tháo dỡ ngôi nhà của vợ chồng ông để lấy gạch làm chuồng trại, và trả tiền vật tư cho ông B 02 chỉ vàng y. Vì là anh em và ông B không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông B đã đồng ý cho anh Lê Th và em Lê Đình S mượn đất với điều kiện là khi nào các con ông B lớn hoặc vợ chồng ông B có nhu cầu sử dụng thì sẽ đòi lại. Nay ông B yêu cầu anh Lê Đình S, em Lê Th tháo gỡ chuồng heo, nhà vệ sinh, nhà bếp, trả lại toàn bộ diện tích thửa đất 1679, tờ bản đồ 8 tại xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định cho gia đình ông sử dụng.

Bị đơn ông Lê Đình S trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của mẹ Trương Thị Kim A. Năm 1978, anh Lê Th cưới vợ, mẹ đã chia cho anh Lê Th phần đất phía Nam giáp đường đi để xây dựng nhà ở riêng. Khoảng năm 1992, anh Lê Văn B có nhà riêng nhưng lại nằm trong hành lang bảo vệ đường sắt, buộc phải di dời nên anh Lê Văn B đã bán nhà và về ở với mẹ. Mẹ cắt chia phần đất ở phía Bắc khoảng 70m² giáp lối đi vào nhà ông Lê Quang Th để vợ chồng anh Lê Văn B xây nhà. Còn phần giữa thửa đất mẹ và ông S sử dụng. Trên đất mẹ chia, anh Lê Văn B đã xây ngôi nhà (chỉ xây 3

vách, còn phía Nam mượn vách nhà mẹ), nhưng do nhà chật, con lại đông, sinh hoạt bất tiện, anh Lê Văn B không ở ngôi nhà này. Năm 1995, vợ chồng ông Lê Văn B mua ngôi nhà của ông Phan Đình Ph ở cùng xóm và ra đó ở. Năm 1996, anh Lê Th thỏa thuận với anh Lê Văn B mua toàn bộ nhà đất này giá 02 chỉ vàng y. Sau khi về bàn bạc, anh Lê Th đã nhường lại cho ông mua và ông đã trực tiếp giao cho vợ chồng anh Lê Văn B 02 chỉ vàng y. Sau khi mua nhà đất của anh Lê Văn B, giữa ông với anh Lê Th đã thỏa thuận hoán đổi đất như sau: Phần đất phía Tây thửa đất của anh Lê Th đổi cho ông để xây gian nhà trước quay ra hướng Nam; Phần đất phía Đông thửa đất của mẹ đổi cho anh Lê Th để anh xây thêm gian nhà sau; Thửa đất mua của anh Lê Văn B chia hai theo hướng Nam Bắc, phần đất phía Đông anh Lê Th xây dựng chuồng heo, phần đất phía Tây ông S xây chuồng heo, sau này xây thêm nhà WC, hầm bioga, nhà bếp. Khi ông S và anh Lê Th xây dựng công trình trên đất, anh Lê Văn B không có ngăn cản. Ông không đồng ý yêu cầu trả đất của anh Lê Văn B vì ông đã mua phần đất này và sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay. Nếu anh Lê Th đồng ý trả thì ông cũng chấp nhận trả nhưng phải bồi thường cho ông giá trị các công trình xây dựng và giá trị đất theo giá thị trường.

Bị đơn ông Lê Th trình bày:

Ông Th thống nhất như lời trình bày của em Lê Đình S. Ông Lê Văn B yêu cầu ông tháo dỡ chuồng heo trả lại đất, ông không đồng ý vì ông Lê Đình S mua phần đất này và hoán đổi với ông Th sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay. Nếu ông Lê Đình S đồng ý trả thì ông chấp nhận trả nhưng phải bồi thường cho ông giá trị chuồng heo và giá trị đất theo giá thị trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị Như Nh trình bày: Bà là vợ ông Lê Đình S. Bà thống nhất như lời trình bày và ý kiến của chồng bà.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Bà là vợ ông Lê Th. Bà thống nhất như lời trình bày và ý kiến của chồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A quyết định:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc đòi lại tài sản quyền sử dụng đất. Xác định thửa đất có số hiệu 1679, tờ bản đồ 8 diện tích theo giấy chứng nhận 160m², diện tích theo hiện trạng 93,7m² tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/1993 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H.

2/ Buộc vợ chồng ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh phải tháo dỡ nhà bếp, nhà vệ sinh, chuồng chăn nuôi heo đã xây dựng trên phần đất phía Tây và vợ chồng ông Lê Th, bà Nguyễn Thị Lệ H phải tháo dỡ chuồng chăn nuôi heo đã xây dựng trên phần đất phía Đông của thửa đất, trả lại toàn bộ diện tích 93,7m² thửa đất 1679, tờ bản đồ 8 tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí do đặc thẩm định tài sản, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 22/6/2022 bị đơn ông Lê Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Như Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn B.

Ngày 27/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A kháng nghị đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản của vợ chồng ông S, vợ chồng ông Th và tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nh và bà H chịu án phí sơ thẩm là không có căn cứ.

Tại phiên tòa luật sư Lê Văn Kh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn B trình bày: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà Nh và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của VKSND thị xã A, sửa bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản của vợ chồng ông S, vợ chồng ông Th và phần án phí dân sự sơ thẩm bà Nh và bà H không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định sau năm 1975 bà Trương Thị Kim A có 01 thửa đất tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Khi người con trai lớn là Lê Th lập gia đình ra ở riêng năm 1978, cụ Trương Thị Kim A đã chia cho ông Lê Th một phần đất phía Nam để sử dụng (thửa 1677, diện tích 225m²). Đến năm 1992, bà Trương Thị Kim A tiếp tục chia cho người con trai giữa là Lê Văn B phần đất phía Bắc (thửa đất 1679, diện tích 160m²). Phần đất còn lại ở giữa, cụ Trương Thị Kim A sử dụng, khi qua đời đã giao lại cho người con trai út là ông Lê Đình S sử dụng (thửa đất 1678, diện tích 192m²). Do đó, thửa đất 1679, tờ bản đồ 8, diện tích 160m² tại thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định hiện đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trương Thị Kim A cho ông Lê Văn B. Hộ gia đình ông Lê Văn B được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01125QSDĐ/I3 ngày 18/11/1993 nhiều thửa đất trong đó có thửa đất 1679, tờ bản đồ 8, diện tích 160m².

Sau khi được mẹ cho đất, ông B đã xây dựng nhà ở và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1996 vì mâu thuẫn gia đình, vợ chồng ông B mua nhà đất của ông Phan Đình Ph ở gần nhà với giá 12 chỉ vàng y và chuyển sang đó sinh sống. Lúc này, ông Lê Th và sau đó là ông Lê Đình S đặt vấn đề mượn thửa đất 1679 của ông B để làm nơi chăn nuôi. Ông Lê Đình S đã trả cho ông B 02

chỉ vàng y để tháo dỡ ngôi nhà của ông B lấy gạch ngói xây chuồng trại. Do đó tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đòi lại đất ông Lê Văn B là có cơ sở.

Ông Lê Đình S và bà Bùi Thị Như Nh kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và cho rằng năm 1996 ông S đã mua thửa đất này của ông B với giá 02 chỉ vàng y. Tuy nhiên, ông S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc mua bán, sang nhượng đất như ông S trình bày. Ngược lại thửa đất hiện nay vẫn đứng tên hộ gia đình ông Lê Văn B mà chưa chỉnh lý biến động sang tên cho người khác và hiện nay ông Lê Văn B đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01125 QSDĐ/I3 cấp ngày 18/11/1993 do UBND huyện A cấp cho hộ gia đình ông B nên thửa đất vẫn thuộc quyền sử dụng của gia đình ông B và được pháp luật bảo vệ theo Điều 166 Luật đất đai.

[1.2] Trên diện tích đất tranh chấp, ông Lê Đình S đã xây dựng ở phía Tây gian nhà bếp (diện tích $10,6m^2$ trị giá 8.488.480đ), nhà vệ sinh và hệ thống ngầm ($3,8m^2$ trị giá 6.533.096đ), chuồng chăn nuôi heo ($20,8m^2$ trị giá 5.035.680đ); ông Lê Th đã xây dựng ở phía Đông chuồng chăn nuôi heo ($13,5m^2$ trị giá 4.357.800đ). Việc ông Th, ông S mượn đất xây dựng chuồng heo, nhà bếp, nhà vệ sinh, ông B biết và chấp nhận cho ông Th, ông S xây dựng và nếu buộc tháo dỡ các công trình này sẽ không còn giá trị sử dụng nên căn cứ theo quy định tại Điều 497, 498 Bộ luật dân sự năm 2015 giao toàn bộ các công trình trên đất tranh chấp cho vợ chồng ông B, bà H sở hữu và vợ chồng ông B, bà H bồi lại giá trị cho vợ chồng ông S, bà Nh 20.057.256đ, bồi lại cho vợ chồng ông Th, bà H 4.357.800đ.

[1.3] Trong vụ án này ông B chỉ khởi kiện ông Lê Đình S và ông Lê Th, không khởi kiện bà Bùi Thị Như Nh và bà Nguyễn Thị Lệ H nên cấp sơ thẩm buộc bà Nh, bà H chịu án phí sơ thẩm là không phù với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.4] Ông Th còn cho rằng phần đất cấp sơ thẩm tuyên trả cho ông B có phần lấn diện tích đất mẹ cho ông. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thì diện tích đất thực tế tuyên trả cho ông B $93,7m^2$ là thiếu so với giấy chứng nhận $160m^2$ cấp cho ông B theo giấy chứng nhận nên lời nại của ông S là không có căn cứ.

[1.5] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh và chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A sửa bản Bản án dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho vợ chồng ông S, vợ chồng ông Th và án phí.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Ông Lê Đình S phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).
- Ông Lê Th là người cao tuổi nên miễn nộp án phí.

- Ông Lê Văn B là người cao tuổi nên miễn nộp án phí, bà Phan Thị H phải chịu 610.000đ.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh không phải chịu.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản 3.000.000đ, ông Lê Đình S và ông Lê Th mỗi người phải chịu 1.500.000đ. Do ông Lê Văn B đã tạm ứng 3.000.000đ nên ông Lê Đình S, ông Lê Th mỗi người phải hoàn trả cho ông Lê Văn B 1.500.000đ.

[4] Tại phiên tòa lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn B đề nghị không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 166, 494, 497, 498, 499 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166, 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh và chấp nhận kháng nghị của VKSND thị xã A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B về việc đòi lại tài sản quyền sử dụng đất. Xác định thửa đất có số hiệu 1679, tờ bản đồ 8 diện tích theo giấy chứng nhận 160m², diện tích theo hiện trạng 93,7m² tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01125QSDĐ/I3 ngày 18/11/1993 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H.

3. Buộc vợ chồng ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh và vợ chồng ông Lê Th, bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại toàn bộ diện tích 93,7m² của thửa đất 1679, tờ bản đồ 8 tại thôn Th, xã Nh, thị xã A, tỉnh Bình Định và toàn bộ các công trình tài sản trên đất (nhà bếp, nhà vệ sinh và hệ thống ngầm nhà vệ sinh, hai chuồng chăn nuôi heo) cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H.

4. Vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H có nghĩa vụ bồi lại cho bà vợ chồng ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh 20.057.256đ, bồi lại cho vợ chồng ông

Lê Th, bà Nguyễn Thị Lê H 4.357.800đ để nhận toàn bộ các công trình tài sản trên đất (nhà bếp, nhà vệ sinh và hệ thống ngầm nhà vệ sinh, hai chuồng chăn nuôi heo) cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Phan Thị H.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Đình S phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).
- Ông Lê Th là người cao tuổi nên miễn nộp án phí.
- Ông Lê Văn B là người cao tuổi nên miễn nộp án phí, bà Phan Thị H phải chịu 610.000đ. Hoàn trả cho ông Lê Văn B 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004946 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đình S, bà Bùi Thị Như Nh không phải chịu. Hoàn trả 300.000đ ông S, bà Nh đã nộp theo biên lai thu số 0005298 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã A.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản 3.000.000đ, ông Lê Đình S và ông Lê Th mỗi người phải chịu 1.500.000đ. Do ông Lê Văn B đã tạm ứng 3.000.000đ nên ông Lê Đình S, ông Lê Th mỗi người phải hoàn trả cho ông Lê Văn B 1.500.000đ.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng